TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2019/HS-ST
Ngày: 10-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Đăng Tố**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trịnh Ngọc Thành**

Ông **Nguyễn Trọng Lâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Xuân Hồng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/TLST-HS ngày 18-02-2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HS ngày 21-3-2019, đối với các bị cáo:

1. Phạm Tấn L, sinh năm 1997, tại Đ;

Nơi cư trú: Ấp 4, xã Phú Thịnh, huyện T, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Tấn Tài, sinh năm 1962 và bà Đặng Thị Ghép, sinh năm 1967; bị cáo là con thứ tư trong gia đình có năm người con, bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28-02-2019, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ xử phạt 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 06/2019/HS-ST, hiện chưa chấp hành; bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T từ ngày 27-10-2018.

2. Bùi Thanh D, (Tên gọi khác: **Hiền**), sinh năm 1987, tại Đ;

Nơi cư trú: Tổ 10, Khu 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi T Sơn (đã chết) và bà Lê Thị Thể, sinh năm 1964; chung sống như vợ chồng với Lý Ngọc T, sinh năm 1987; có hai người con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20-11-2011 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" tại Quyết định số

2825/QĐ.UBND, chấp hành xong ngày 26-11-2013; đầu thú và bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T từ ngày 06-11-2018.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn Xuân Lai, xã Hải Vân, huyện Như Thành, tỉnh T Hóa (vắng mặt).

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị **Lý Ngọc T**, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp 7, xã Phú Thịnh, huyện T, tỉnh Đ (có mặt).

Người làm chứng: Anh **Bùi Văn L**, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp 3, xã Phú L, huyện T, tỉnh Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 18 giờ 15 phút, ngày 26-10-2018, Bùi T D điều khiển xe môtô hiệu Wave, biển số 62K6-3003 chở Phạm Tấn L lưu thông từ thị trấn T vào Tà Lài. Khi đến đoạn Km 05 + ^{500} đường Tà Lài, L ngồi sau phát hiện chị Phạm Thị T một mình điều khiển xe, lưu thông cùng chiều, phía túi quần sau bên trái của chị T có để 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 2, màu trắng thừa ra một đoạn. L nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản để bán lấy tiền tiêu xài, nhưng lúc này, đoạn đường có nhiều người tham gia giao thông nên L không thực hiện được. Đến khoảng 18 giờ 30 phút, khi đến Km 06 + ^{500} đường Tà Lài, thuộc Ấp 5, xã Phú Thịnh, huyện T, tỉnh Đ, chị T điều khiển xe vượt qua xe của D, quan sát thấy đoạn đường vắng nên L nói với D điều khiển xe áp sát xe chị T. L ngồi sau dùng tay phải giật điện thoại trong túi chị T, chị T la lớn "cướp, cướp", L nói D tăng ga bỏ chạy. Thời điểm L thực hiện hành vi cướp giật tài sản của chị T, D không biết, nhưng khi chị T tri hô và nghe L nói tăng ga bỏ chạy thì D cũng làm theo. D tiếp tục chạy xe được một đoạn, đến đoạn rẽ vào đường hẽm bê tông Ấp 5, xã Phú Thịnh, do sợ và run nên D giao xe cho L tiếp tục điều khiển, L điều khiển xe chở D về nhà ông Lý Ngọc Hà (nhà cha mẹ vợ của D tại Ấp 7, xã Phú Thịnh, huyện T). Tại đây, L lấy điện thoại ra cho D xem, D không nói gì và bỏ đi nhậu với em vợ; L tắt máy điện thoại di động, tháo sim, để điện thoại trên bàn rồi đi tắm.

Chị T sau khi bị chiếm đoạt tài sản thì tri hô, anh Bùi Văn L là người đi đường nghe thấy nên tăng ga đuổi theo xe của D và L, khi đến gần phát hiện người ngồi sau là L nên không đuổi theo nữa mà dừng lại nói chị T báo sự việc với chính quyền địa phương.

Ngay khi nhận được tin báo, Công an xã Phú Thịnh đã triệu tập Phạm Tấn L lên làm việc, đồng thời thu giữ của L điện thoại Samsung Note 2, sau khi làm việc đã bàn giao L cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để tiếp tục điều tra,

xử lý hành vi của L theo quy định của pháp luật. Đến ngày 06-11-2018, Bùi T D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 72/KL.HĐĐGTS ngày 05-11-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định: Điện thoại nhãn hiệu Samsung Note 2, màu trắng có giá trị 1.800.000đ.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKSTP-ĐN ngày 15-02-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, truy tố các bị cáo Phạm Tấn L, Bùi T D về tội: "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm s khoản 1 Điều 51 đối với các bị cáo; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Bùi T D. Đề nghị tuyên bố các bị cáo phạm tội: "Cướp giật tài sản", xử phạt bị cáo L mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; xử phạt bị cáo D mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án đã được thu hồi trả cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết; đề nghị trả lại tài sản là xe mô tô biển số 62K6-3003 cho chị Lý Ngọc T do không liên quan đến tội phạm. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng có ý kiến như sau:

- *Ý kiến của bị hại Phạm Thị T:* Vào khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 26-10-2018, chị T điều khiển xe đi theo hướng từ thị trấn T vào Tà Lài, sau khi nghe điện thoại xong thì chị để điện thoại tại túi sau, bên trái, đến khoảng Km 07 thuộc xã Phú Thịnh thì bị xe của một T niên chạy cùng chiều áp sát xe chị đang điều khiển, người ngồi phía sau dùng tay phải giật điện thoại của chị, chị T nhờ một người T niên đuổi theo, người T niên đuổi theo được một đoạn thì phát hiện người giật điện thoại tên "L" và hướng dẫn chị T đến trình báo Công an xã Phú Thịnh. Chị T yêu cầu được nhận lại tài sản và yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

- *Ý kiến của người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lý Ngọc T:* Chị và bị cáo D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Xe mô tô biển số 62K6-3003 là tài sản của chị, mua của anh Lưu Tấn Phát, khi mua bán, bên bán chỉ giao xe kèm theo giấy tờ xe, bên mua giao tiền, không lập giấy tờ (hợp đồng) gì. Vào ngày 26-10-2018, D lấy xe đi đâu chị không rõ, chị không biết D sử dụng xe làm phương tiện phạm tội, chị đề

nghị được nhận lại xe mô tô, vì đây là tài sản hợp pháp của chị, không liên quan đến tội phạm.

- *Ý kiến của người làm chứng Bùi Văn L:* Vào khoảng 18 giờ 30, ngày 26-10-2018, anh L điều khiển xe mô tô đi mua đồ ở Km 07 thuộc xã Phú Thịnh, khi đến Km số 06 + ^{500} thì anh chứng kiến một người phụ nữ kêu lên "Cướp, cướp điện thoại", anh L tăng ga đuổi theo xe mô tô chạy phía trước của hai người T niên, đuổi được khoảng 100m thì phát hiện người ngồi phía sau xe mô tô là Phạm Tấn L nên anh L không đuổi theo nữa mà nói người phụ nữ trình báo sự việc với chính quyền địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Từ lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác, Hội đồng xét xử xác định: Vào khoảng 18 giờ 00, ngày 26-10-2018, bị cáo Bùi T D điều khiển xe mô tô biển số 62K6-3003 chở phía sau Phạm Tấn L, đến Km 06 + ^{500} thuộc xã Phú Thịnh, huyện T, phát hiện túi quần sau bên trái chị T có để một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 2 thừa ra một đoạn, L nảy sinh ý định chiếm đoạt. Để thực hiện hành vi, L nói với D chạy xe áp sát chị T, sau khi D điều khiển xe chạy áp sát xe chị T, L dùng tay phải giật điện thoại từ túi quần sau của chị T rồi nói D tăng tốc xe để tẩu thoát. Chị T tri hô, đến lúc này D biết rõ L đã thực hiện hành vi giật điện thoại của chị T nhưng vẫn đồng ý tăng ga bỏ chạy.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở để kết luận hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Cướp giật tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về khung hình phạt: các bị cáo sử dụng xe mô tô có tốc độ cao, áp sát xe của bị hại để chiếm đoạt tài sản đang trên người bị hại, hành vi này của các bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt "dùng thủ đoạn nguy hiểm" được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Điều 171, khoản 2, điểm d quy định:

"1. Người nào cướp giật tài sản của người khác...; 2. Phạm tội một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm..."

Do đó, Cáo trạng số 13/CT-VKS-HS ngày 15-02-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là đúng người, đúng tội, không oan sai cho các bị cáo.

[5] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, hành vi dùng xe mô tô để cướp giật tài sản của người đang tham gia giao thông trên đường còn có khả năng xảy ra thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của người khác. Vì vậy, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cáo bị cáo D, L đều có nhân thân xấu; Năm 2013, Bùi T D bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T áp dụng biện pháp đưa vào cở sở chữa bệnh bắt buộc về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy"; Phạm Tấn L, trước khi thực hiện hành vi phạm tội này đã bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú do có hành vi phạm tội khác về tội "Trộm cắp tài sản". Các tình tình tiết này, mặc dù không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng Hội đồng xét xử cũng sẽ lưu ý khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; riêng bị cáo Bùi T D, tự nguyện đầu thú được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Về tính chất đồng phạm: Các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn. Do đó, khi quyết định hình phạt, cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để phân hóa hình phạt đối với các bị cáo. Cụ thể như sau: Bị cáo L tham gia với vai trò là người thực hành, trực tiếp chiếm đoạt tài sản của bị hại nên mức án của bị cáo L phải cao hơn so với bị cáo D, D tham gia với vai trò giúp sức, điều khiển xe chở L tăng tốc bỏ chạy, thoát khỏi sự truy đuổi của bị hại và quần chúng nhân dân, vai trò của D trong vụ án là thấp hơn, vì vậy, hình phạt đối với D cũng cần phải thấp hơn so với bị cáo L.

[9] Về tổng hợp hình phạt: Ngày 28-02-2019, L bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 06/2019/HS-ST, hiện L chưa chấp hành hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng

hợp hình phạt của bị cáo L trong vụ này và hình phạt mà L chưa chấp hành của Bản án số 06/2019/HS-ST, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai Bản án.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản chiếm đoạt đã bị thu hồi trả cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô biển số 62K6-3003 là tài sản do chị Lý Ngọc T hiện đang là người quản lý hợp pháp, xe có giấy tờ đăng ký do cơ quan thẩm quyền cấp, việc bị cáo D lấy xe sử dụng làm phương tiện phạm tội chị T không biết, vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại xe mô tô biển số 62K6-3003 cho chị Lý Ngọc T.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như đề xuất mức hình phạt là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 17; khoản 2 Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo L;

- Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo D;

- Khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Tấn L, Bùi Thanh D (tên gọi khác: Hiền) phạm tội: **"Cướp giật tài sản".**

1.1. Xử phạt Phạm Tấn L **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.** Tổng hợp hình phạt **06 (sáu) tháng tù** về tội: "Trộm cắp tài sản" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HS-ST ngày 28-02-2019 của Tòa án nhân dân huyện T; buộc bị cáo Phạm Tấn L chấp hành hình phạt chung là **04 (bốn) năm tù.** Thời hạn tù của bị cáo L được tính kể từ ngày 27-10-2018.

1.2. Xử phạt Bùi T D **03 (ba) năm tù.** Thời hạn tù của bị cáo D được tính kể từ ngày 06-11-2018.

2. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho chị Lý Ngọc T xe mô tô nhãn hiệu SILVA, màu xanh, biển số 62K6-3003, số máy: 01701, số khung: 01701, không

bửng chắn gió, không gương chiếu hậu (xe đã qua sử dụng), kèm theo Giấy đăng ký xe mô tô số 0025207 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Long An cấp cho Dương T Hóa. *(Thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19-02-2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).*

3. Về án phí: Các bị cáo Phạm Tấn L, Bùi Thanh D mỗi bị cáo cáo phải nộp **200.000đ** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lý Ngọc T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại chị Phạm Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- CQCSĐT Công an huyện T;
- CQ THA hình sự Công an huyện T;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đăng Tố

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đăng Tố

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- CQCSĐT Công an huyện T;
- CQ THA hình sự Công an huyện T;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đăng Tố